

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2008**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 11 Ngày 5 tháng 8 năm 09



Nguyễn Thị Thu Uyên
PHÓ PHÒNG HÀNH CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Hải	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thanh	Thành viên
Ông Phạm Minh Tâm	Thành viên
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Thiện Thể	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *vu*



Số: 192 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ Phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ Phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 20 tháng 3 năm 2009
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Chí Nguyễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGQuốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008**Mẫu B 01-DN**
Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		226.927.432.687	100.677.564.875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		117.754.838.938	33.913.949.082
1. Tiền	111	4	117.754.838.938	33.913.949.082
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.123.100.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.123.100.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.410.720.653	54.215.326.165
1. Phải thu khách hàng	131		48.647.778.573	44.844.298.872
2. Trả trước cho người bán	132		38.621.661.211	9.289.358.564
3. Các khoản phải thu khác	135		141.280.869	81.668.729
IV. Hàng tồn kho	140	5	17.035.391.376	8.504.131.742
1. Hàng tồn kho	141		17.308.463.899	8.504.131.742
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	141		(273.072.523)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.726.481.720	2.921.057.886
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.828.204.495	558.818.183
2. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		933.483.684	1.701.366.648
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		964.793.541	660.873.055
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		177.129.068.417	107.665.164.937
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.000.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	218	6	2.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		97.737.587.410	35.604.024.300
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	56.582.170.453	31.182.606.795
- Nguyên giá	222		93.517.240.933	57.878.772.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.935.070.480)	(26.696.166.030)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	1.456.305.977	1.385.626.960
- Nguyên giá	228		1.812.516.200	1.636.516.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(356.210.223)	(250.889.240)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	39.699.110.980	3.035.790.545
III. Bất động sản đầu tư	240	10	63.586.181.862	63.384.341.694
- Nguyên giá	241		67.294.488.467	65.680.875.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.708.306.605)	(2.296.534.120)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		224.000.000	224.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		224.000.000	224.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.581.299.145	8.452.798.943
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.256.764.350	8.180.825.269
2. Tài sản dài hạn khác	268		324.534.795	271.973.674
TỔNG TÀI SẢN	270		404.056.501.104	208.342.729.812

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGQuốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		229.924.244.689	76.856.327.937
I. Nợ ngắn hạn	310		226.340.890.648	76.674.301.900
1. Phải trả người bán	312		9.517.962.053	10.591.470.828
2. Người mua trả tiền trước	313	12	135.204.833.336	44.869.949.433
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	287.411.695	252.997.931
4. Phải trả người lao động	315		5.030.972.677	3.200.811.121
5. Chi phí phải trả	316		558.877.769	292.453.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	75.740.833.118	17.466.619.587
II. Nợ dài hạn	330		3.583.354.041	182.026.037
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3.583.354.041	182.026.037
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	15	174.132.256.415	131.486.401.875
I. Vốn chủ sở hữu	410		167.171.799.965	126.405.718.432
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		55.614.864.378	28.977.714.446
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.527.597.668	2.638.061.802
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		702.814.346	330.910.458
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		35.326.523.573	24.459.031.726
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.960.456.450	5.080.683.443
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		6.960.456.450	5.080.683.443
TỔNG NGUỒN VỐN	440		404.056.501.104	208.342.729.812

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (đồng)		1.539.671.225	1.539.671.225
2. Ngoại tệ các loại (USD)		2.632.533	534.042

Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2009Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	2008	2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	330.437.523.860	264.160.020.267
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		330.437.523.860	264.160.020.267
4. Giá vốn hàng bán	11	17	(202.246.631.515)	(180.836.442.122)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		128.190.892.345	83.323.578.145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.113.890.731	307.016.732
7. Chi phí tài chính	22		(376.104.015)	(387.174.681)
8. Chi phí bán hàng	24		(33.257.702.205)	(24.418.925.645)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(17.277.546.458)	(12.562.017.993)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		83.393.430.398	46.262.476.558
11. Thu nhập khác	31		1.126.502.414	416.004.633
12. Chi phí khác	32		(272.517.283)	(67.759.216)
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác	40	18	853.985.131	348.245.417
14. Lợi nhuận trước thuế	50		84.247.415.529	46.610.721.975
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	(11.978.815.940)	-
16. Lợi nhuận sau thuế	60		72.268.599.589	46.610.721.975
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	9.954	6.659

Trần Đình Hải**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 3 năm 2009



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGQuốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2008	2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	84.247.415.529	46.610.721.975
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.118.045.447	7.113.685.937
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	03	273.072.523	-
- Lỗ từ thanh lý tài sản	04	42.280.566	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.292.890.802)	(164.894.972)
- Chi phí lãi vay	06	-	387.174.681
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	93.387.923.263	53.946.687.621
- Tăng các khoản phải thu	09	(34.410.264.369)	(16.483.556.809)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(16.576.278.880)	1.035.343.815
- Tăng các khoản phải trả	11	155.411.731.752	4.668.828.872
- Giảm chi phí trả trước	12	1.313.727.173	5.584.596.890
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(387.174.681)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.715.539.770)	(4.038.243.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	179.505.469.674	44.326.482.468
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(73.782.463.620)	(8.704.507.208)
2. Tiền gửi có kỳ hạn		1.123.100.000	(1.123.100.000)
3. Thu lãi tiền gửi	27	3.292.890.802	278.814.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(69.366.472.818)	(9.548.792.647)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	-	7.110.722.600
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(26.298.107.000)	(12.189.426.482)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.298.107.000)	(5.078.703.882)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	83.840.889.856	29.698.985.939
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.913.949.082	4.214.963.143
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	117.754.838.938	33.913.949.082

Thông tin bổ sung các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm 1.904.292.000 đồng (năm 2007: không có), là giá trị tài sản trang bị trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.


Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2009

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hiện đang sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Đại lộ Bình Dương, ấp Hòa Lân 1, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 454 người (2007: 412).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cầu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

15/12-0
HÀNH
NG TY
EMHAIH
DITTE
T NAM
HÀ NỘI
HỒ CHÍ

41/2012
CHÍNH
CƠ
TRÁCH NHIỆM
DEL
VIỆ
(TP)
1/1/12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	<u>2008</u>	<u>2007</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	16,7% - 20,7%	16,7% - 20%
Máy móc và thiết bị	11,5% - 34%	17,7% - 25%
Phương tiện vận tải	16,7%	16,7%
Thiết bị văn phòng	33,3%	33,3%

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty quyết định thay đổi tỷ lệ khấu hao của máy móc và thiết bị. Ban Giám đốc tin tưởng rằng tỷ lệ khấu hao này phản ánh chính xác hơn thời gian sử dụng ước tính của tài sản của Công ty. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao trong năm làm cho chi phí khấu hao trong năm 2008 tăng thêm 1.982.877.472 đồng.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho khu đất 41.632 m² tại xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương mà Công ty đã thuê trong 38 năm. Quyền sử dụng đất này được phân bổ theo thời gian thuê đất.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản tiền đền bù, giải tỏa để khai thác các mỏ đất, đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ ba đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỷ lệ dịch vụ cung cấp hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo điều lệ, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%
Quỹ đầu tư phát triển	5%
Quỹ dự phòng tài chính	5%
Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2%

4. TIỀN

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Tiền mặt	388.673.023	251.678.967
Tiền gửi ngân hàng	117.366.165.915	33.662.270.115
	<u>117.754.838.938</u>	<u>33.913.949.082</u>

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	5.268.485.145	5.333.866.848
Công cụ, dụng cụ	53.669.156	19.629.164
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.042.111	113.127.039
Thành phẩm	11.941.267.487	3.037.508.691
	<u>17.308.463.899</u>	<u>8.504.131.742</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(273.072.523)	-
	<u>17.035.391.376</u>	<u>8.504.131.742</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
 Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác thể hiện khoản tiền cho Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương mượn để thực hiện lắp đặt hệ thống cấp thoát nước trong Khu công nghiệp Đất Cuốc. Khoản tiền này sẽ được thu hồi trong vòng 2 năm kể từ tháng 4 năm 2008.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2008	21.580.479.885	28.271.782.220	6.451.696.111	1.574.814.609	57.878.772.825
Tăng trong năm	665.691.593	10.279.679.238	41.000.000	503.083.192	11.489.454.023
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	4.857.588.034	854.367.757	18.841.386.389	-	24.553.342.180
Thanh lý, nhượng bán	(246.340.952)	(144.961.977)	-	(13.025.166)	(404.328.095)
Tại ngày 31/12/2008	26.857.418.560	39.260.867.238	25.334.082.500	2.064.872.635	93.517.240.933
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2008	7.448.397.853	14.542.184.056	3.570.286.482	1.135.297.639	26.696.166.030
Khấu hao trong năm	3.545.786.642	4.257.903.414	2.549.923.033	247.338.890	10.600.951.979
Thanh lý, nhượng bán	(246.340.952)	(102.681.411)	-	(13.025.166)	(362.047.529)
Tại ngày 31/12/2008	10.747.843.543	18.697.406.059	6.120.209.515	1.369.611.363	36.935.070.480
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2008	16.109.575.017	20.563.461.179	19.213.872.985	695.261.272	56.582.170.453
Tại ngày 31/12/2007	14.132.082.032	13.729.598.164	2.881.409.629	439.516.970	31.182.606.795

Từ ngày 1/1/2008, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 3. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty.

Tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 11.531.237.662 đồng (2007: 10.212.841.975 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGQuốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2008	1.607.721.600	28.794.600	1.636.516.200
Tăng trong năm	-	176.000.000	176.000.000
Tại ngày 31/12/2008	1.607.721.600	204.794.600	1.812.516.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2008	238.064.978	12.824.262	250.889.240
Trích khấu hao trong năm	42.143.811	63.177.172	105.320.983
Tại ngày 31/12/2008	280.208.789	76.001.434	356.210.223
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2008	1.327.512.811	128.793.166	1.456.305.977
Tại ngày 31/12/2007	1.369.656.622	15.970.338	1.385.626.960

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư tại 1/1/2008	3.035.790.545	1.423.456.297
Tăng trong năm	62.830.275.268	4.704.231.047
Kết chuyển sang tài sản cố định	(24.553.342.180)	(3.091.896.799)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.613.612.653)	-
Số dư tại 31/12/2008	39.699.110.980	3.035.790.545

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Cơ sở hạ tầng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2008	30.436.883.639	35.243.992.175	65.680.875.814
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	-	1.613.612.653	1.613.612.653
Tại ngày 31/12/2008	30.436.883.639	36.857.604.828	67.294.488.467
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2008	1.064.226.720	1.232.307.400	2.296.534.120
Trích khấu hao trong kỳ	654.223.232	757.549.253	1.411.772.485
Tại ngày 31/12/2008	1.718.449.952	1,989,856,653	3.708.306.605
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2008	28.718.433.687	34.867.748.175	63.586.181.862
Tại ngày 31/12/2007	29.372.656.919	34.011.684.775	63.384.341.694

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm kết thúc niên độ, Công ty chưa quyết toán được giá trị công trình xây dựng nên giá trị bất động sản đầu tư hiện đang tạm ghi nhận và trích khấu hao theo giá trị thực tế phát sinh đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008. Do nguyên nhân nêu trên, Công ty hiện không thể xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 vì không có bất cứ tài sản cùng loại nào trên thị trường để có thể xác định giá trị hợp lý của những bất động sản này, tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư là tương đương với nhau.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư đầu năm	8.180.825.269	13.962.399.178
Tăng trong năm	15.803.344.900	5.433.406.801
Phân bổ vào chi phí trong năm	(10.727.405.819)	(11.214.980.710)
Số dư cuối năm	<u>13.256.764.350</u>	<u>8.180.825.269</u>

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Người mua trả tiền trước	1.620.494.738	43.729.365.801
Doanh thu chưa thực hiện	133.584.338.598	1.140.583.632
	<u>135.204.833.336</u>	<u>44.869.949.433</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Thuế tài nguyên	164.005.740	56.432.175
Các loại thuế khác	123.405.955	196.565.756
	<u>287.411.695</u>	<u>252.997.931</u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Phải trả về cổ phần hóa	-	11.016.025.461
Vốn điều lệ tạm thu	74.000.000.000	-
Cổ tức phải trả	35.893.000	4.284.000.000
Phải trả, phải nộp khác	1.704.940.118	2.166.594.126
	<u>75.740.833.118</u>	<u>17.466.619.587</u>

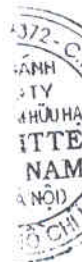
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGQuốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phiếu	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>70.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng - cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phiếu	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>70.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Theo Nghị quyết ngày 22 tháng 4 năm 2008, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 70 tỷ đồng lên 107 tỷ đồng và vốn điều lệ chính thức tăng vào ngày 20 tháng 1 năm 2009. Tổng số cổ phần phát hành thêm là 3.700.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã thu toàn bộ số vốn góp tăng thêm.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại 1/1/2007	70.000.000.000	8.540.620.910	962.837.930	3.277.521.673	203.535.172	5.657.433.781	88.641.949.466
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	46.610.721.975	46.610.721.975
Phân phối các quỹ	-	20.437.093.536	1.675.223.872	5.028.040.045	670.089.549	(27.810.447.002)	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.322.972	1.322.972
Chi tiêu theo quy định	-	-	-	(3.224.878.275)	(542.714.263)	-	(3.767.592.538)
Số dư tại 31/12/2007	70.000.000.000	28.977.714.446	2.638.061.802	5.080.683.443	330.910.458	24.459.031.726	131.486.401.875
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	72.268.599.589	72.268.599.589
Phân phối các quỹ	-	26.637.149.932	2.889.535.866	8.668.607.598	1.155.814.346	(39.351.107.742)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(22.050.000.000)	(22.050.000.000)
Chi tiêu theo quy định	-	-	-	(6.788.834.591)	(783.910.458)	-	(7.572.745.049)
Số dư tại 31/12/2008	70.000.000.000	55.614.864.378	5.527.597.668	6.960.456.450	702.814.346	35.326.523.573	174.132.256.415

Trong năm, Công ty đã tạm thực hiện việc trích lập các quỹ theo điều lệ hoạt động của Công ty. Mức trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2008 sẽ được phê duyệt chính thức tại đại hội cổ đông thường niên.

THANH HUY



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGQuốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. DOANH THU**

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Doanh thu bán hàng	323.900.997.183	263.339.774.414
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.536.526.677	820.245.853
	330.437.523.860	264.160.020.267

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Giá vốn hàng bán	197.966.162.735	180.262.297.495
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.280.468.780	574.144.627
	202.246.631.515	180.836.442.122

18. LỢI NHUẬN KHÁC

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tiền thu từ chuyển quyền sử dụng đất	196.160.000	76.740.000
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	7.272.727	-
Các khoản thu nhập khác	923.069.687	339.264.633
Thu nhập khác	1.126.502.414	416.004.633
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	42.280.566	-
Các khoản khác	230.236.717	67.759.216
Chi phí khác	272.517.283	67.759.216
Lợi nhuận khác	853.985.131	348.245.417

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	84.247.415.529	46.610.721.975
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.785.459.929)	(41.439.600)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.456.489.686	235.000.000
Thu nhập chịu thuế	84.918.445.286	46.804.282.375
Thuế suất thông thường	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.777.164.680	13.105.199.065
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(11.888.582.340)	(13.105.199.065)
Thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất	90.233.600	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.978.815.940	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGQuốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Theo quy định hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Giám đốc Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2006. Theo đó, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2008.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

20. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2008	2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	69.679.299.660	46.610.721.975
Số cổ phiếu đang lưu hành bình quân	7.000.000	7.000.000
Lãi trên cổ phiếu	9.954	6.658

21. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty ký hợp đồng xây dựng, mua máy móc và trang thiết bị với chi tiết như sau:

Nhà cung cấp	Nội dung	Số tiền (đồng)
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera	Đầu tư nâng công suất Nhà máy gạch Bình Phú - Nhà xưởng	3.704.600.000
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Vinh	Khu liên hợp căn tin - suất ăn công nghiệp	2.569.946.978
Công ty Cổ phần kỹ thuật Seen	Nhà máy xử lý nước thải KCN Đất Cuốc	18.609.587.701
Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 6	Xây dựng hệ thống đường giao thông - thoát nước mưa - nước bẩn KCN Đất Cuốc - Khu B	38.062.000.000
Công ty TNHH xây lắp điện Sông Bé Electric	Xây và lắp đặt hệ thống chiếu sáng KCN Đất Cuốc - Khu B	3.975.250.000
		66.921.384.679

22. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2008	2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.933.968.530	969.370.427

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động đất khu Công nghiệp Đất Cuốc không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	3.072.823.338	2.431.557.180
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.291.016.487	9.726.228.720
Sau năm năm	122.794.433.621	99.896.474.145
	<u>138.158.273.446</u>	<u>112.054.260.045</u>

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lương	823.011.000	583.543.000
Tiền thưởng	128.400.000	87.820.000
Các khoản phúc lợi khác	220.467.000	144.100.000
	<u>1.171.878.000</u>	<u>815.463.000</u>

24. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Cho tới nay, Công ty chưa thực hiện việc dự phòng chi phí liên quan đến công tác phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản vì Ban Giám đốc Công ty tin rằng không có cơ sở cho việc trích lập này. Hiện tại, Công ty đã thực hiện ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương. Theo đó, chi phí phát sinh liên quan đến công tác phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi thực tế phát sinh.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ
ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2007**

355

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17

SAO Y BẢN CHÍNH
Số: 40 Ngày 5 tháng 8 năm 09



Nguyễn Thị Thu Uyên
PHÓ PHÒNG HÀNH CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đình Hải	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thanh	Thành viên
Ông Phạm Minh Tâm	Thành viên
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Thiện Thể	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2008

Số: 200 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ Phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ Phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Lê Chí Nguyễn

Giám đốc Kiểm toán

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 3 năm 2008

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Đình Tứ

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2007	31/12/2006
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.677.564.875	54.210.288.923
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.913.949.082	4.214.963.143
1. Tiền	111	4	33.913.949.082	4.214.963.143
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.123.100.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	1.123.100.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.215.326.165	38.587.753.294
1. Phải thu khách hàng	131		44.844.298.872	31.526.351.333
2. Trả trước cho người bán	132		9.289.358.564	6.997.757.761
3. Các khoản phải thu khác	135		81.668.729	63.644.200
IV. Hàng tồn kho	140	6	8.504.131.742	9.539.475.557
1. Hàng tồn kho	141		8.504.131.742	9.539.475.557
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.921.057.886	1.868.096.929
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		558.818.183	361.841.164
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	154		1.701.366.648	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		660.873.055	1.506.255.765
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.665.164.937	123.342.266.088
I. Tài sản cố định	220		35.604.024.300	35.472.528.588
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	31.182.606.795	32.611.538.671
- Nguyên giá	222		57.878.772.825	53.708.870.774
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.696.166.030)	(21.097.332.103)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	1.385.626.960	1.437.533.620
- Nguyên giá	228		1.636.516.200	1.636.516.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(250.889.240)	(198.982.580)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	3.035.790.545	1.423.456.297
II. Bất động sản đầu tư	240	10	63.384.341.694	73.683.338.322
- Nguyên giá	241		65.680.875.814	74.728.492.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.296.534.120)	(1.045.153.735)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		224.000.000	224.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		224.000.000	224.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8.452.798.943	13.962.399.178
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.180.825.269	13.962.399.178
2. Tài sản dài hạn khác	268		271.973.674	-
TỔNG TÀI SẢN	270		208.342.729.812	177.552.555.011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2007	31/12/2006
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		76.856.327.937	88.910.605.545
I. Nợ ngắn hạn	310		76.674.301.900	88.854.201.670
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	-	5.078.703.882
2. Phải trả người bán	312		10.591.470.828	9.064.615.677
3. Người mua trả tiền trước	313		43.729.365.801	1.417.626.735
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	252.997.931	29.159.155.426
5. Phải trả người lao động	315		3.200.811.121	1.415.499.202
6. Chi phí phải trả	316		292.453.000	406.970.415
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		18.607.203.219	42.311.630.333
II. Nợ dài hạn	330		182.026.037	56.403.875
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		182.026.037	56.403.875
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	14	131.486.401.875	88.641.949.466
I. Vốn chủ sở hữu	410		126.405.718.432	85.364.427.793
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.977.714.446	8.540.620.910
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.638.061.802	962.837.930
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		330.910.458	203.535.172
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		24.459.031.726	5.657.433.781
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.080.683.443	3.277.521.673
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		5.080.683.443	3.277.521.673
TỔNG NGUỒN VỐN	440		208.342.729.812	177.552.555.011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006
1. Hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.539.671.225	1.539.671.225
2. Tài sản các loại (USD)		534.042	412



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2008

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGQuốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007	Từ 1/5/2006 đến 31/12/2006
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	264.160.020.267	151.590.307.672
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		264.160.020.267	151.590.307.672
4. Giá vốn hàng bán	11	16	(180.836.442.122)	(102.601.693.115)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		83.323.578.145	48.988.614.557
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		307.016.732	82.288.497
- Trong đó: Lãi tiền gửi			307.016.732	82.288.497
7. Chi phí tài chính	22		(387.174.681)	(846.583.893)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(387.174.681)	(846.583.893)
8. Chi phí bán hàng	24		(24.418.925.645)	(15.104.419.386)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(12.562.017.993)	(6.359.286.249)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		46.262.476.558	26.760.613.526
11. Thu nhập khác	31		416.004.633	350.579.045
12. Chi phí khác	32		(67.759.216)	(303.472.287)
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác	40	17	348.245.417	47.106.758
14. Lợi nhuận trước thuế	50		46.610.721.975	26.807.720.284
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế	60		46.610.721.975	26.807.720.284
17. Lợi nhuận sau thuế theo bản trên cổ phiếu	70	19	6.659	3.830



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2008

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGQuốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU**Mã số****Từ 1/1/2007
đến 31/12/2007****Từ 1/5/2006
đến 31/12/2006****I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Lợi nhuận trước thuế	01	46.610.721.975	26.807.720.284
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.113.685.937	5.849.170.123
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(164.894.972)	(47.244.957)
- Chi phí lãi vay	06	387.174.681	846.583.893
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	53.946.687.621	33.456.229.343
- Tăng các khoản phải thu	09	(16.483.556.809)	(5.829.366.451)
- Giảm hàng tồn kho	10	1.035.343.815	33.012.502.226
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	4.668.828.872	(958.950.832)
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	5.584.596.890	(452.129.598)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(387.174.681)	(846.583.893)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.766.559.569)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	431.970.269
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.038.243.240)	(637.343.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.326.482.468	56.409.768.335

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(8.704.507.208)	(49.267.295.277)
2. Tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.123.100.000)	-
3. Thu lãi tiền gửi	27	278.814.561	160.216.451
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.548.792.647)	(49.107.078.826)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	7.110.722.600	14.664.917.483
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.189.426.482)	(22.412.082.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.078.703.882)	(7.747.165.277)

Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	29.698.985.939	(444.475.768)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.214.963.143	4.659.438.911
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	33.913.949.082	4.214.963.143

Thông tin bổ sung cho các khoản mục phi tiền tệ:

Trong năm, lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư không bao gồm giá trị bất động sản đầu tư ghi giảm 11.644.402.598 đồng là số tiền bồi thường đất công được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương quyết định giao năm (xem thuyết minh 10). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2008

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "BIMICO") là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh Doanh Vốn Nhà nước hiện đang sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49% vốn điều lệ còn lại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Quốc lộ 13, Ấp Hòa Lân 1, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 412 người (2006: 352).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính). Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ. Kinh doanh nhà ở. Sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cầu kiện bê tông đúc sẵn. Kinh doanh xăng dầu. Đầu tư kinh doanh khu du lịch (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh). Nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm. Khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất. Thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	Tỷ lệ khấu hao (%/năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	16,7 - 20
Máy móc và thiết bị	17,7 - 25
Phương tiện vận tải	16,7
Thiết bị văn phòng	33,3

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho khu đất 41.632 m² tại Xã Khánh Bình, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương mà Công ty đã thuê của Sở Địa chính và Nhà đất Tỉnh Bình Dương trong 38 năm. Quyền sử dụng đất này được phân bổ theo thời gian thuê đất là 38 năm.

Chi phí phần mềm kế toán được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba (3) năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc đánh giá lại giá trị của Công ty cho mục đích cổ phần hoá. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 tháng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2007, giá trị lợi thế kinh doanh đã được phân bổ toàn bộ.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các khoản tiền đền bù, giải tỏa để khai thác các mỏ đất, đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỷ lệ dịch vụ cung cấp hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo điều lệ, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%
Quỹ đầu tư phát triển	5%
Quỹ dự phòng tài chính	5%
Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2%

4. TIỀN

	31/12/2007 VNĐ	31/12/2006 VNĐ
Tiền mặt	251.678.967	55.485.927
Tiền gửi ngân hàng	33.662.270.115	4.159.477.216
	33.913.949.082	4.214.963.143

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam có thời hạn thu hồi từ 3 tháng đến 1 năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2007	31/12/2006
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.333.866.848	4.119.160.057
Công cụ, dụng cụ	19.629.164	45.989.559
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	113.127.039	43.839.511
Thành phẩm	3.037.508.691	5.330.486.430
	<u>8.504.131.742</u>	<u>9.539.475.557</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2007	21.273.778.211	26.015.674.286	5.115.694.060	1.303.724.217	53.708.870.774
Tăng trong năm	16.676.364	1.273.408.715	28.000.000	85.404.727	1.403.489.806
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	615.509.864	982.699.219	1.308.002.051	185.685.665	3.091.896.799
Thanh lý, nhượng bán	(325.484.554)	-	-	-	(325.484.554)
Tại ngày 31/12/2007	<u>21.580.479.885</u>	<u>28.271.782.220</u>	<u>6.451.696.111</u>	<u>1.574.814.609</u>	<u>57.878.772.825</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2007	5.647.977.694	11.808.483.216	2.663.791.608	977.079.585	21.097.332.103
Khấu hao trong năm	2.011.985.124	2.733.700.840	906.494.874	158.218.054	5.810.398.892
Thanh lý, nhượng bán	(211.564.965)	-	-	-	(211.564.965)
Tại ngày 31/12/2007	<u>7.448.397.853</u>	<u>14.542.184.056</u>	<u>3.570.286.482</u>	<u>1.135.297.639</u>	<u>26.696.166.030</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2007	<u>14.132.082.032</u>	<u>13.729.598.164</u>	<u>2.881.409.629</u>	<u>439.516.970</u>	<u>31.182.606.795</u>
Tại ngày 31/12/2006	<u>15.625.800.517</u>	<u>14.207.191.070</u>	<u>2.451.902.452</u>	<u>326.644.632</u>	<u>32.611.538.671</u>

Như trình bày tại thuyết minh số 12 Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 20.236.833.039 đồng (2006: 23.518.301.414 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 10.212.841.975 đồng (2006: 6.609.106.924 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2006 và 31/12/2007	1.607.721.600	28.794.600	1.636.516.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2007	195.756.518	3.226.062	198.982.580
Trích khấu hao trong kỳ	42.308.460	9.598.200	51.906.660
Tại ngày 31/12/2007	238.064.978	12.824.262	250.889.240
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2007	1.369.656.622	15.970.338	1.385.626.960
Tại ngày 31/12/2006	1.411.965.082	25.568.538	1.437.533.620

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Số dư tại 1/1 và 1/5	1.423.456.297	91.063.182
Tăng	4.704.231.047	1.332.393.115
Kết chuyển sang tài sản cố định	(3.091.896.799)	-
Số dư tại 31/12	3.035.790.545	1.423.456.297

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Cơ sở hạ tầng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2007	42.081.286.237	32.647.205.820	74.728.492.057
Tăng trong kỳ	-	2.596.786.355	2.596.786.355
Điều chỉnh trong kỳ	(11.644.402.598)	-	(11.644.402.598)
Tại ngày 31/12/2007	30.436.883.639	35.243.992.175	65.680.875.814
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2007	588.549.458	456.604.277	1.045.153.735
Trích khấu hao trong kỳ	475.677.262	775.703.123	1.251.380.385
Tại ngày 31/12/2007	1.064.226.720	1.232.307.400	2.296.534.120
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2007	29.372.656.919	34.011.684.775	63.384.341.694
Tại ngày 31/12/2006	41.492.736.779	32.190.601.543	73.683.338.322

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Đất Cuốc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm kết thúc niên độ, Công ty còn xây dựng một số hạng mục, chưa quyết toán được tổng giá trị công trình nên giá trị bất động sản đầu tư hiện đang tạm ghi nhận và trích khấu hao theo giá trị thực tế phát sinh đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2007. Do

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

vậy, Công ty hiện không thể xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư là tương đương với nhau.

Trong năm, Công ty ghi giảm giá trị bất động sản đầu tư 11.644.402.598 đồng là số tiền bồi thường đất công được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương ra quyết định miễn giảm tại Công văn số 5485/UBND-SX ngày 12 tháng 12 năm 2007.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007	Từ 1/5/2006 đến 31/12/2006
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Số dư đầu năm	13.962.399.178	12.088.868.194
Tăng trong năm	5.433.406.801	6.066.006.886
Phân bổ vào chi phí trong năm	(11.214.980.710)	(4.192.475.902)
Số dư cuối năm	<u>8.180.825.269</u>	<u>13.962.399.178</u>

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay 6 tháng với lãi suất vay 10,2%/ năm. Như đã nêu tại thuyết minh số 7 Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty không có số dư nợ vay.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2007 <u>VNĐ</u>	31/12/2006 <u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	8.892.111
Thuế tài nguyên	56.432.175	96.661.248
Bồi thường đất công nộp về Ngân sách Nhà nước	-	20.379.670.500
Tiền sử dụng đất	-	8.441.171.835
Các loại thuế khác	196.565.756	232.759.732
	<u>252.997.931</u>	<u>29.159.155.426</u>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2007 <u>VNĐ</u>
Được phép phát hành:	
7.000.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu	<u>70.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:	
7.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu	<u>70.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2007 vào ngày 29 tháng 6 năm 2007, Công ty sẽ tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 105 tỷ đồng bằng việc phát hành bổ sung 3.500.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Việc tăng vốn điều lệ sẽ được thực hiện vào năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MÃU B 09-DN

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại 1/5/2006	70.000.000.000	-	-	844.546.288	-	-	70.844.546.288
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	26.807.720.284	26.807.720.284
Phân phối các quỹ	-	8.513.799.610	962.837.930	2.888.513.791	385.135.172	(12.750.286.503)	-
Tăng khác	-	26.821.300	-	204.754	-	-	27.026.054
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(8.400.000.000)	(8.400.000.000)
Chỉ tiêu theo quy định	-	-	-	(455.743.160)	(181.600.000)	-	(637.343.160)
Số dư tại 31/12/2006	70.000.000.000	8.540.620.910	962.837.930	3.277.521.673	203.535.172	5.657.433.781	88.641.949.466
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	46.610.721.975	46.610.721.975
Phân phối các quỹ	-	20.437.093.536	1.675.223.872	5.028.040.045	670.089.549	(27.810.447.002)	-
Chỉ tiêu theo quy định	-	-	-	(3.224.878.275)	(542.714.263)	-	(3.767.592.538)
Khác	-	-	-	-	-	1.322.972	1.322.972
Số dư tại 31/12/2007	70.000.000.000	28.977.714.446	2.638.061.802	5.080.683.443	330.910.458	24.459.031.726	131.486.401.875

Trong năm, Công ty đã tạm thực hiện việc trích lập các quỹ theo điều lệ hoạt động của Công ty. Mức trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2007 sẽ được phê duyệt chính thức tại đại hội cổ đông thường niên. Ngoài ra, theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2007 vào ngày 29 tháng 6 năm 2007, Công ty đã kết chuyển toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2006 với số tiền là 5.657.433.781 đồng vào quỹ đầu tư và phát triển.



14

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
 Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. DOANH THU

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ	Từ 1/5/2006 đến 31/12/2006 VNĐ
Doanh thu bán hàng	263,339,774,414	150.629.103.675
Doanh thu cung cấp dịch vụ	820.245.853	961.203.997
	264.160.020.267	151.590.307.672

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ	Từ 1/5/2006 đến 31/12/2006 VNĐ
Giá vốn bán hàng	180.262.297.495	101.506.848.472
Giá vốn cung cấp dịch vụ	574.144.627	1.094.844.643
	180.836.442.122	102.601.693.115

17. LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ	Từ 1/5/2006 đến 31/12/2006 VNĐ
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	76.740.000	160.216.451
Các khoản thu nhập khác	339.264.633	190.362.594
Thu nhập khác	416.004.633	350.579.045
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	111.804.828
Các khoản khác	67.759.216	191.667.459
Chi phí khác	67.759.216	303.472.287
Lợi nhuận khác	348.245.417	47.106.758

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ	Từ 1/5/2006 đến 31/12/2006 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	46.610.721.975	26.807.720.284
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(41.439.600)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	235.000.000	160.000.000
Thu nhập chịu thuế	46.804.282.375	26.967.720.284
Thuế suất thông thường	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.105.199.065	7.550.961.680
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(13.105.199.065)	(7.550.961.680)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
 Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Theo qui định hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được miễn 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Giám đốc Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2006.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

19. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ	Từ 1/5/2006 đến 31/12/2006 VNĐ
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	46.610.721.975	26.807.720.284
Cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
Lãi trên cổ phiếu	6.659	3.830

20. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ	Từ 1/5/2006 đến 31/12/2006 VNĐ
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	969.370.427	117.903.022

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2007 VNĐ	31/12/2006 VNĐ
Trong vòng một năm	2.431.557.180	159.929.868
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.726.228.720	639.719.472
Sau năm năm	99.896.474.145	6.730.381.945
	112.054.260.045	7.530.031.285

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ	Từ 1/5/2006 đến 31/12/2006 VNĐ
Lương	583.543.000	288.162.775
Tiền thưởng	87.820.000	26.180.000
Các khoản phúc lợi khác	144.100.000	42.150.000
	815.463.000	356.492.775

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Quốc lộ 13, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính năm hiện hành được lập cho giai đoạn 12 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007. Báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 năm 2006 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2006, nên các số liệu tương ứng để so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các ghi chú liên quan có thể không so sánh được với số liệu của năm hiện hành.





CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Tel: 0650.3822602 - Fax: 0650.3823922

Mã số thuế : 3700148825



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 THÁNG ĐẦU NĂM 2009

- | | |
|---|-------------------|
| 1- Bảng cân đối kế toán | (Mẫu số B01 - DN) |
| 2- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | (Mẫu số B02 - DN) |
| 3- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | (Mẫu số B03 - DN) |
| 4- Bản thuyết minh báo cáo tài chính | (Mẫu số B09 - DN) |

Nơi nhận báo cáo:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		219.564.705.906	226.927.432.687
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		106.011.676.618	117.754.838.938
1. Tiền	111	V.01	106.011.676.618	117.754.838.938
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.716.150.777	87.410.720.653
1. Phải thu khách hàng	131		47.860.053.445	48.647.778.573
2. Trả trước cho người bán	132		40.812.215.999	38.621.661.211
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	43.881.333	141.280.869
IV. Hàng tồn kho	140		19.750.563.673	17.035.391.376
1. Hàng tồn kho	141	V.04	19.750.563.673	17.308.463.899
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			(273.072.523)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.086.314.838	4.726.481.720
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.144.060.449	2.828.204.495
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	264.909.792	933.483.684
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.677.344.597	964.793.541
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		232.815.433.233	177.129.068.417
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		2.000.000.000	2.000.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	2.000.000.000	2.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		155.291.885.191	97.737.587.410
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	58.217.981.390	56.582.170.453
- Nguyên giá	222		104.330.170.488	93.517.240.933
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(46.112.189.098)	(36.935.070.480)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.556.614.136	1.456.305.977
- Nguyên giá	228		2.012.516.200	1.812.516.200
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(455.902.064)	(356.210.223)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	95.517.289.665	39.699.110.980
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	62.627.352.490	63.586.181.862
- Nguyên giá	241		67.294.488.467	67.294.488.467
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(4.667.135.977)	(3.708.306.605)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		205.000.000	224.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	205 000 000	224 000 000
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.691.195.552	13.581.299.145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	12.361.064.350	13.256.764.350
3. Tài sản dài hạn khác	268		330.131.202	324.534.795
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		452.380.139.139	404.056.501.104

NGUỒN VỐN			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		160.869.513.016	229.924.244.689
I. Nợ ngắn hạn	310		157.449.224.975	226.340.890.648
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả người bán	312		11.922.985.207	9.517.962.053
3. Người mua trả tiền trước	313		135.545.585.997	135.204.833.336
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.921.451.192	287.411.695
5. Phải trả người lao động	315		3.473.024.611	5.030.972.677
6. Chi phí phải trả	316	V.17	194.382.000	558.877.769
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	1.391.795.968	75.740.833.118
II. Nợ dài hạn	330		3.420.288.041	3.583.354.041
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3.420.288.041	3.583.354.041
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		291.510.626.123	174.132.256.415
I. Vốn chủ sở hữu	410		280.950.453.562	167.171.799.965
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	107.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.000.000.000	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		66.660.891.317	55.614.864.378
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.054.750.231	5.527.597.668
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		711.861.025	702.814.346
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		61.522.950.989	35.326.523.573
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		10.560.172.561	6.960.456.450
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		10.560.172.561	6.960.456.450
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		452.380.139.139	404.056.501.104

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.539.671.225	1.539.671.225
5. Ngoại tệ các loại		2.722.350,48	2.632.533,29

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Tâm



Lục Thanh Sang



Trần Đình Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ III NĂM 2009

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	94.631.311.198	79.636.446.580	230.544.738.122	251.736.774.551
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		94.631.311.198	79.636.446.580	230.544.738.122	251.736.774.551
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	55.443.341.183	41.274.788.467	139.427.432.187	155.418.009.106
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39.187.970.015	38.361.658.113	91.117.305.935	96.318.765.445
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	907.942.564	1.144.797.415	3.397.533.167	2.358.708.705
7. Chi phí tài chính	22	VI.28				
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24		6.394.990.929	9.642.287.255	16.292.230.442	23.880.091.724
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.132.491.231	5.173.384.505	10.941.303.812	11.058.304.881
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		29.568.430.419	24.690.783.768	67.281.304.848	63.739.077.545
11. Thu nhập khác	31		205.596.860	335.606.155	537.650.224	815.561.584
12. Chi phí khác	32		140.410.887	79.236.267	238.155.065	227.595.873
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		65.185.973	256.369.888	299.495.159	587.965.711
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.633.616.392	24.947.153.656	67.580.800.007	64.327.043.256
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	3.705.452.049	3.534.247.151	8.518.874.376	9.086.296.695
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		25.928.164.343	21.412.906.505	59.061.925.631	55.240.746.561
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.423	3.059	5.520	7.892

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Tâm



Lục Thanh Sang



Trần Đình Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ III NĂM 2009

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		42.004.885.380	158.993.808.366
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(67.160.437.087)	(110.876.077.129)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.027.512.852)	(16.673.432.007)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		227.754.444.711	125.785.470.372
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(172.663.164.982)	(107.651.401.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.112.039.998	44.803.912.204
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(12.582.660.485)	(26.212.774.607)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		3.389.458.167	2.358.718.705
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(140.258.285.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.000.000	81.436.230.485
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(140.258.285.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			81.436.230.485
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.000.000	81.436.230.485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.155.202.318)	(60.061.935.447)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.700.000.000)	(12.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.700.000.000)	(12.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(11.743.162.320)	(27.858.023.243)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		117.754.838.938	33.913.949.082
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			155.400.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VII.34	106.011.676.618	6.211.325.839

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Hoàng Tâm

Lục Thanh Sang

Trần Đình Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 THÁNG ĐẦU NĂM 2009

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn: Công Ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và xây dựng Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và xây dựng Bình Dương (gọi tắt là “BIMICO”) là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ hiện có đến 30/09/2009 là 107.000.000.000 đồng , trong đó Tổng Công Ty Đầu Tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước (SCIC) sở hữu 50,05% vốn điều lệ, các cổ đông khác nắm giữ 49,95% vốn điều lệ còn lại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Đại lộ Bình Dương, Ấp Hòa Lân , Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

2- Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác chế biến khoáng sản; Sản xuất công nghiệp; kinh doanh thương mại; dịch vụ; xây lắp.

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung , ngói nung tại trụ sở chính)
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết .
- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ.
- Kinh doanh nhà ở .
- Sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Kinh doanh xăng dầu.
- Đầu tư kinh doanh khu du lịch (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh)
- Nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm.
- Khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan khai thác nước ngầm.

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

5- Tổng số CBCNV Công Ty tại ngày 30/09/2009 là 463 người

II- Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01/2009 kết thúc vào ngày 31/12/2009.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Việt Nam đồng

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Theo Quyết định số 15/2006 - QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy tính (Chứng từ ghi sổ)

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá thành Công xưởng
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : Bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kê khai thường xuyên

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư :

- Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm vốn cổ phần do các cổ đông đóng góp khi thành lập.

Các quỹ được phân phối và sử dụng tuân theo các quy định hiện hành áp dụng đối với Công Ty cổ phần và Điều lệ hoạt động của công ty.

5 - Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm.

6 - Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản tiền đền bù, giải tỏa để khai thác các mỏ đất, đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

V-Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

	(Đơn vị tính : đồng)	
	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
01- Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	980.414.428	388.673.023
- Tiền gửi ngân hàng	105.031.262.190	117.366.165.915
Cộng	106.011.676.618	117.754.838.938
02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Đầu tư ngắn hạn khác		
Cộng		
03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác:	43.881.333	141.280.869
Cộng	43.881.333	141.280.869
04- Hàng tồn kho	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	5.310.600.868	5.268.485.145
- Công cụ, dụng cụ	63.282.667	53.669.156
- Chi phí SX, KD dở dang	77.600.982	45.042.111
- Thành phẩm	14.282.124.125	11.941.267.487
- Hàng hóa	16.955.031	
Cộng giá gốc hàng tồn kho	19.750.563.673	17.308.463.899
05- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Thuế GTGT nộp thừa		933.483.684
- Thuế TNDN nộp thừa		
- Các khoản khác phải thu Nhà nước:	264.909.792	
Cộng	264.909.792	933.483.684
07- Phải thu dài hạn khác	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000

08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	26.857.418.560	39.260.867.238	25.334.082.500	2.064.872.635	93.517.240.933
- Mua trong năm	900.000.000	9.070.826.447		11.904.762	9.982.731.209
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.191.529.170				1.191.529.170
- Tăng khác					
- Chuyển sang BDS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	(132.314.824)	(229.016.000)			(361.330.824)
Số dư cuối năm	28.816.632.906	48.102.677.685	25.334.082.500	2.076.777.397	104.330.170.488
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.747.843.543	18.697.406.059	6.120.209.515	1.369.611.363	36.935.070.480
- Khấu hao trong năm	2.259.123.383	4.138.551.103	2.877.367.413	208.941.504	9.483.983.403
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	(77.848.785)	(229.016.000)			(306.864.785)
Số dư cuối năm	12.929.118.141	22.606.941.162	8.997.576.928	1.578.552.867	46.112.189.098
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu năm	16.109.575.017	20.563.461.179	19.213.872.985	695.261.272	56.582.170.453
- Tại ngày cuối năm	15.887.514.765	25.495.736.523	16.336.505.572	498.224.530	58.217.981.390

* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.505.954.745 đ

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	1.607.721.600	204.794.600	1.812.516.200
- Mua trong năm	200.000.000		200.000.000
- Thanh lý, nhượng bán			
Số dư cuối năm	1.807.721.600	204.794.600	2.012.516.200
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	280.208.789	76.001.434	356.210.223
- Khấu hao trong năm	42.718.977	56.972.864	99.691.841
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối năm	322.927.766	132.974.298	455.902.064
Giá trị còn lại của TSCĐ VH			
- Tại ngày đầu năm	1.327.512.811	128.793.166	1.456.305.977
- Tại ngày cuối năm	1.484.793.834	71.820.302	1.556.614.136

Tài sản cố định vô hình, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho khu đất 41.632 m² tại Xã Khánh Bình, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương mà Công ty đã thuê của Sở Địa chính và Nhà đất Tỉnh Bình Dương trong 38 năm. Quyền sử dụng đất này được phân bổ theo thời gian thuê đất là 38 năm.

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Tổng chi phí XD CB dở dang

Trong đó : Những công trình lớn:

	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Tổng chi phí XD CB dở dang	95.517.289.665	39.699.110.980
+ Khu công nghiệp Đất Cước	59.843.707.746	21.491.642.390
+ Mỏ đất Minh Long	6.089.444.850	6.048.255.000
+ Mở rộng nhà máy gạch	4.360.957.269	2.225.244.357
+ Mỏ đá Tân Mỹ	18.477.549.417	9.800.459.417
+ Mỏ đá Phước Vĩnh	4.786.625.000	

12 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng, giảm trong năm	Số cuối kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư	67.294.488.467		67.294.488.467
Giá trị hao mòn	3.708.306.605	958.829.372	4.667.135.977
Giá trị còn lại	63.586.181.862		62.627.352.490

13- Đầu tư dài hạn:	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Đầu tư trái phiếu	205.000.000	224.000.000
Cộng	205.000.000	224.000.000
14- Chi phí trả trước dài hạn	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Chi phí trả trước dài hạn (Tiền đền bù đất đai,...)	12.361.064.350	13.256.764.350
Cộng	12.361.064.350	13.256.764.350
15- Vay và nợ ngắn hạn	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Vay ngắn hạn		
Cộng		
16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Thuế giá trị gia tăng	743.714.685	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.705.452.049	
- Thuế thu nhập cá nhân		66.705.365
- Thuế tài nguyên	366.312.892	164.005.740
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
+ Phí bảo vệ môi trường	105.971.566	56.700.590
Cộng	4.921.451.192	287.411.695
17- Chi phí phải trả	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Chi phí phải trả khác (Tiền lãi vay,...)	194.382.000	558.877.769
Cộng	194.382.000	558.877.769
18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Kinh phí công đoàn	631.377.748	447.512.999
- Bảo hiểm xã hội	16.599.342	
- Phải trả về phát hành cổ phiếu		74.000.000.000
- Các khoản phải trả khác	720.118.878	1.293.320.119
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	23.700.000	
Cộng	1.391.795.968	75.740.833.118
19- Phải trả dài hạn nội bộ		
20- Vay và nợ dài hạn		
21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu :

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước (01/01/2008)	70.000.000.000		28.977.714.446	2.638.061.802	330.910.458	24.459.031.726	5.080.683.443	131.486.401.875
- Tăng vốn trong năm trước								
- Lãi trong năm trước						72.268.599.589		72.268.599.589
- Phân phối các quỹ			26.637.149.932	2.889.535.866	1.155.814.346	(39.351.107.742)	8.668.607.598	
- Tăng khác								
- Cổ tức công bố						(22.050.000.000)		(22.050.000.000)
- Chi tiêu theo qui định					(783.910.458)		(6.788.834.591)	(7.572.745.049)
- Giảm khác								
Số dư cuối năm trước (31/12/2008)								
Số dư đầu năm nay (01/01/2009)	70.000.000.000		55.614.864.378	5.527.597.668	702.814.346	35.326.523.573	6.960.456.450	174.132.256.415
- Tăng vốn trong năm nay	37.000.000.000	37.000.000.000						74.000.000.000
- Lãi trong năm nay								
- Phân phối các quỹ			11.046.026.939	2.527.152.563	1.010.861.025	(22.165.498.215)	7.581.457.688	
- Tăng khác								
- Giảm vốn trong năm nay						59.061.925.631		59.061.925.631
- Lỗ trong năm nay								
- Cổ tức công bố						(10.700.000.000)		(10.700.000.000)
- Chi tiêu theo qui định					(1.001.814.346)		(3.981.741.577)	(4.983.555.923)
- Giảm khác								
Số dư cuối kỳ (30/09/2009)	107.000.000.000	37.000.000.000	66.660.891.317	8.054.750.231	711.861.025	61.522.950.989	10.560.172.561	291.510.626.123

b- Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	<u>30/09/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Vốn góp của các cổ đông	107.000.000.000	70.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng	107.000.000.000	70.000.000.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70.000.000.000	70.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	70.000.000.000	70.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	37.000.000.000	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	107.000.000.000	70.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Vốn khác của chủ sở hữu		

d- Cổ tức**d- Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.700.000	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.700.000	3.430.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.700.000	3.430.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.700.000	7.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.345.000	3.430.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
+ Cổ phiếu Nhà nước nắm giữ	5.355.000	3.570.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000

e- Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển	66.660.891.317	55.614.864.378
- Quỹ dự phòng tài chính	8.054.750.231	5.527.597.668
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
+ Quỹ điều hành của HĐQT và BKS	711.861.025	702.814.346
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể

- Lợi nhuận chưa phân phối	61.522.950.989	35.326.523.573
----------------------------	-----------------------	-----------------------

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

(Đơn vị tính : đồng)		
	<u>9T - 2009</u>	<u>9T - 2008</u>
25 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	230.544.738.122	251.736.774.551
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	226.328.265.502	251.236.383.719
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.216.472.620	500.390.832
26 - Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)		
27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	230.544.738.122	251.736.774.551
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi SP, hàng hóa	226.328.265.502	251.236.383.719
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	4.216.472.620	500.390.832
28 - Giá vốn hàng bán	<u>9T - 2009</u>	<u>9T - 2008</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	850.644.614	1.829.251.791
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	138.788.394.469	153.588.757.315
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	61.465.627	
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(273.072.523)	
Cộng	139.427.432.187	155.418.009.106
29 - Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	<u>9T - 2009</u>	<u>9T - 2008</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.389.458.167	2.358.708.705
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	8.075.000	
Cộng	3.397.533.167	2.358.708.705
31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	<u>9T - 2009</u>	<u>9T - 2008</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập	8.518.874.376	9.086.296.695
Cộng	8.518.874.376	9.086.296.695
33 - Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	<u>9T - 2009</u>	<u>9T - 2008</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.590.596.653	13.190.517.842
- Chi phí nhân công	20.505.003.792	20.489.849.440
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.542.504.616	8.459.722.591
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.519.177.819	125.437.316.956
- Chi phí khác bằng tiền	27.281.471.973	13.209.245.195
Cộng	177.438.754.853	180.786.652.024

VII – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Đơn vị tính:)

34 – Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII- Những thông tin khác

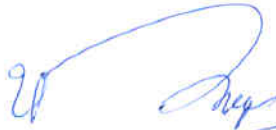
- 1 - Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác.
- 2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- 3 - Thông tin về các bên có liên quan.
- 4 - Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước).
- 5 - Thông tin về hoạt động liên tục.
- 6- Những thông tin khác:

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Tâm

Lục Thanh Sang

Trần Đình Hải